

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HS-ST
Ngày: 21 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hồng Xuân

Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2020/HSST ngày 04 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn Q; sinh ngày 29 tháng 8 năm 1996; tại: Xã T, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị D; con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2020; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị L – Trợ giúp viên pháp lý.

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T – Chi nhánh số 05.

- Người bị hại: Anh Bùi Văn H; sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T; (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn T; sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn P, thị trấn V, huyện T, tỉnh T; (Vắng mặt).

- Người làm chứng: Chị Trịnh Ngọc Th; sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn V, huyện T, tỉnh T; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 19/8/2020, Bùi Văn Q đang đứng ở đường Quốc lộ 217B, tại thôn M, xã T thì gặp anh Bùi Văn H đi xe mô tô qua. Do có quen biết với nhau nên Q đã nhờ anh H chở xuống thôn P, thị trấn V để đi lấy xe, anh H đồng ý chở Q đi. Anh H cầm lái, Q ngồi phía sau; khi đi đến ngã ba đường liên thôn thuộc thôn P, thị trấn V xe của anh H bị thủng săm. Cả Q và anh H xuống xe, anh H lấy trong túi quần của mình ra một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME 6 loại 4GB – 128GB, màu xanh để sử dụng. Q thấy anh H sử dụng điện thoại thì nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại để kiếm tiền tiêu xài, cho nên Q đã lợi dụng lúc anh H không để ý, từ phía sau anh H đi đến gần dùng tay trái giật chiếc điện thoại di động trên tay phải của anh H rồi bỏ chạy theo đường liên thôn hướng ra quốc lộ 217B, anh H hô hoán và đuổi theo Q nhưng không kịp. Q đã mang theo chiếc điện thoại đến nhà anh Trần Văn T ở lại đây chơi. T thấy Q có điện thoại thì hỏi nguồn gốc chiếc điện thoại, Q nói đó là điện thoại của em Q. Đến khoảng 13 giờ ngày 21/8/2020 Q nhờ T chở đến quán điện thoại NT ở khu phố L, thị trấn V, bán chiếc điện thoại cho chị Trịnh Ngọc Th chủ cửa hàng lấy 1.200.000 đồng. Số tiền này Q và T đã sử dụng để tiêu sài cá nhân hết. Đến ngày 22/8/2020, nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình không thể trốn tránh được, Bùi Văn Q đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đầu thú.

Người bị hại Bùi Văn H khai: Khoảng 14h ngày 19/8/2020, anh đang đi xe mô tô thì gặp Q xin đi nhờ xe xuống thôn P, thị trấn V để lấy xe. Trên đường đi, anh là người cầm lái, Q ngồi phía sau xe. Khi đi đến đoạn gần trường THPT T III, anh có dừng xe lại để nghe điện thoại thì Q từ phía sau dùng tay giật chiếc điện thoại của anh đang cầm và bỏ chạy. Anh chạy theo và hô hoán mọi người xung quanh cùng đuổi theo Q nhưng không đuổi kịp. Đến nay, anh chưa nhận lại được điện thoại mà Q đã chiếm đoạt của anh nên anh yêu cầu Q phải bồi thường giá trị chiếc điện thoại trên cho anh số tiền là 2.630.000đ (Hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) và đề nghị xử lý Q theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn T khai: Vào khoảng 15h00 ngày 19/8/2020, khi anh đang ở nhà thì Bùi Văn Q đến nhà anh chơi. Đến khoảng 13h00 ngày 20/8/2020 thì Q nói với anh là muốn bán điện thoại để lấy tiền tiêu sài. Anh có hỏi Q “điện thoại của ai thì Q nói là của em Q”. Sau đó, anh chở Q xuống cửa hàng điện thoại NT ở khu phố L, thị trấn V và bán điện thoại được 1.200.000đ hai người chi tiêu cá nhân hết.

Người làm chứng Trịnh Ngọc Th khai: Khoảng 13h00 ngày 20/8/2020, khi chị đang ở cửa hàng điện thoại của nhà mình ở khu phố L, thị trấn V thì có một nam thanh niên (sau này chị mới biết đó là bị cáo Bùi Văn Q) đến cửa hàng nói muốn bán chiếc điện thoại nhãn hiệu REALME 6 loại 4GB – 128GB, màu xanh. Sau khi kiểm tra thì chị đồng ý mua chiếc điện thoại trên, hai bên thỏa thuận giá chiếc điện thoại là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi mua chiếc điện thoại trên, chị không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, sau đó chị đã bán lại cho một người khác không rõ tên tuổi, địa chỉ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 29/HĐĐGTS-TT ngày 29/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết

lượn: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME 6 loại 4GB- 128Gb, màu xanh, đã qua sử dụng tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 2.630.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 65/Ctr-VKS-TT, ngày 02/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T đã truy tố Bùi Văn Q về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

*Phần tranh tụng tại phiên tòa:

-Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS để xử phạt Bùi Văn Q từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Bùi Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.630.000đ đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu này.

-Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa. Thống nhất với quan điểm luận tội của đại diện VKS. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí cho bị cáo vì gia đình bị cáo là hộ nghèo, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

-Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, về phần dân sự bị cáo thống nhất một mình bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại.

Trong lời sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Đây là vụ án hình sự Cướp giật tài sản có tính chất nghiêm trọng do Bùi Văn Q thực hiện. Bản thân bị cáo là người có sức khỏe và đang trong độ tuổi lao động nhưng không chịu khó làm ăn, kiếm sống một cách lương thiện, chỉ vì ham chơi bời và thích thụ hưởng những vật chất mà không phải do mình làm ra. Để có tiền chi tiêu, bị cáo đã ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác một cách công khai, liêu lĩnh, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Đầu thú”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên khi lượng hình phạt HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

[4]. Kết quả điều tra, xác minh bị cáo Bùi Văn Q hiện tại không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Đối với Trần Văn T là người đã chở Q đi bán điện thoại di động và chị Trịnh Ngọc Th đã mua bán chiếc điện thoại di động nói trên, do không biết đó là tài sản Q phạm tội mà có. Do đó hành vi của T và Th là không vi phạm pháp luật.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại anh Bùi Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 2.630.000 đồng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên không xem xét.

[7]. Tại phiên tòa bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí cho bị cáo. HĐXX xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên HĐXX miễn tiền án phí HSST và DSST cho bị cáo.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn Q phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn Q 20 (hai mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 22/8/2020)

Áp dụng: Điều 48 BLHS; các Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 BLDS; Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, Điều 21; Điều 23; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Bùi Văn H số tiền là 2.630.000đ (Hai triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án xong thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

-Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền

kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL & NV liên quan;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- Công an huyện T;
- Đội THAHS công an T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân